TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2025
V/v: "tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Ngọc Tam .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Dung;

2. Bà Hồ Thị Hoàng Nga.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về *"tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 2000; địa chỉ: số E khối T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

* Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

* Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2024, Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn:Chị* Trần Thị H, *trình bày:* Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 25/12/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T và chị H bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vả. Từ tháng 3/2019 đến nay chị H và anh T không sống chung với nhau, không liên quan nhau về kinh tế.

Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Duy B, sinh ngày 29/8/2018. Hiện cháu B đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Đối với bị đơn, anh* Nguyễn Văn T*:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: Nguyên đơn, chị Trần Thị H nộp: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, 01 bản sao giấy khai sinh, 01 bản sao căn cước công dân và 01 bản xác nhận thông tin cư trú. Toà án thu thập: 01 biên bản xác minh ngày 28/02/2025 và được Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Q cho biết: không rõ nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân của chị H và anh T; biên bản xác minh ngày 02/12/2024, Công an xã Q cho biết: anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và hiện đang làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương.*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:* Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn, anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn P, xã Q, huyện N cũ nay là huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là *"tranh chấp về ly hôn và nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Văn T đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 25/12/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T và chị H bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vả. Từ tháng 3/2019 đến nay chị H và anh T không sống chung với nhau, không liên quan nhau về kinh tế. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T cố tình trốn tránh, không hợp tác, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Duy B, sinh ngày 29/8/2018. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của chị H. Hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Văn T về việc *" tranh chấp về ly hôn và nuôi con".*

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Có hai 01 con chung tên Nguyễn Trần Duy B, sinh ngày 29/8/2018.

Giao các cháu Nguyễn Trần Duy B cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Trần Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị H đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020295 ngày 28/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam (nay là huyện Q, tỉnh Quảng Nam). 4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND phường Thanh Hà (Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 25/12/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam